TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 27-04-2020.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Bà **Mai Thị Nhặc**.
+ Ông **Ngô Bá Đức**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Xuân Hoàng** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 04 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 480/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Bé N** - Sinh năm: 1988; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre; địa chỉ nơi cư trú: Ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Đ** - Sinh năm: 1981, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2019, bản khai ngày 06 tháng 01 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bé N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ có tìm hiểu rồi mới kết hôn. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 03 tháng 7 năm 2013, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai lừa dối hay ép buộc. Chị và anh Đ chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, anh Đ chơi đánh bạc, không lo làm ăn, không quan tâm đến chị và con. Đã qua nhiều năm nhưng anh Đ không sửa đổi được, có nhiều lần chị không đưa tiền, không đi mượn tiền cho anh đi đánh bạc nên vợ chồng cự cãi và anh đuổi chị ra khỏi nhà. Do không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên tháng 12 năm 2019 chị về sống chung với mẹ ruột tại ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị Bé N xác định tình cảm giữa chị với anh Đ là không còn, không thể đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn với anh Đ, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Chị Bé N và anh Đ có một người con chung là: Nguyễn Thanh P - Sinh ngày 26 tháng 01 năm 2014 hiện đang sống chung với chị Bé N. Chị Bé N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Bé N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Bé N trình bày là không có.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh về các vấn đề có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bé N vẫn giữ nguyên lời trình bày, yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên. Anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé N, cụ thể: Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bé N được quyền

nuôi người con chung giữa chị với anh Nguyễn Văn Đ là Nguyễn Thanh P, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Bé N không yêu cầu; về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Bé N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* với anh Nguyễn Văn Đ có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh Nguyễn Văn Đ đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Đ là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Việc kết hôn giữa chị Bé N với anh Đ tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 03 tháng 7 năm 2013 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[2.2] Chị Nguyễn Thị Bé N cho rằng cuộc hôn nhân đã không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn mà chị Bé N trình bày là phù hợp với nội dung biên bản xác minh ngày 10/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (bút lục số 29). Chị Bé N và anh Đ sống ly thân từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay mà không thể đoàn tụ được, bên cạnh đó anh Đ không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh về hôn nhân giữa anh với chị Bé N và không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích đoàn tụ; từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Bé N với anh Đ đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Bé N về việc ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung:

[3.1] Chị Bé N và anh Đ có một người con chung là Nguyễn Thanh P - Sinh ngày 26 tháng 01 năm 2014.

[3.3] Từ khi sống ly thân cho đến hiện nay thì chị Bé N là người trực tiếp nuôi con, trong khi đó anh Đ vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của anh có yêu cầu về việc nuôi con nên giao con (Nguyễn Thanh P) cho chị Bé N tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bé N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[4] Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Anh Đ vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của anh có yêu cầu về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung; chị Bé N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bé N là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé N. Cụ thể:

1/ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2/ Về con chung:

2.1) Chị Nguyễn Thị Bé N được quyền tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng người con chung giữa chị với anh Nguyễn Văn Đ là: Nguyễn Thanh P - Sinh ngày 26 tháng 01 năm 2014 (hiện đang sống chung với chị Bé N) cho đến khi Nguyễn Thanh P đủ mười tám tuổi. Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị Bé N không yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

2.2) Anh Nguyễn Văn Đ có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Nguyễn Văn Đ lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Nguyễn Thị Bé N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyễn Văn Đ.

2.3) Vì lợi ích của con chung, chị Nguyễn Thị Bé N, anh Nguyễn Văn Đ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bé N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008118 ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre, chị Nguyễn Thị Bé N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Nguyễn Thị Bé N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên